

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN
THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐỒNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ dân sự sơ thẩm thụ lý số 249/2020/TLST - HNGĐ ngày 21/10/2020, giữa:

*** Nguyên đơn: Chị Bùi Phương A, sinh năm: 1990**

HKTT, trú tại: số 01, ngõ O, phố Tô V, phường P, quận T, Hà Nội.

*** Bị đơn: Anh Đỗ Đăng B, sinh năm 1986**

HKTT, trú tại: thôn Q, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Cháu Đỗ Đăng Hải C, sinh ngày 09/7/2015

- Cháu Đỗ Hà D, sinh ngày 31/7/2016

Người giám hộ cho cháu C và cháu D: Chị A và anh B (bố, mẹ đẻ các cháu).

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các điều 51; 55; 57; 81; 82; 83; 84 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 144; Điều 146; Điều 147 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành lập ngày 30/11/2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đồng sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30/11/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đồng sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Bùi Phương A và anh Đỗ Đăng B.

2. Công nhận sự thoả thuận giữa các đồng sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Phương A và anh Đỗ Đăng B cùng nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung:

Giao cháu Đỗ Đăng Hải C, sinh ngày 09/7/2015 và cháu Đỗ Hà D, sinh ngày 31/7/2016 cho chị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, hai bên không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét, giải quyết. Sau khi ly hôn, anh B được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở; quyền được thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.3. Về tài sản chung, công nợ chung, đất ruộng nông nghiệp, công sức đóng góp đối với hai bên gia đình: Chị A và anh B không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

2.4. Về án phí: Chị A tự nguyện nộp toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Đối trừ số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị A đã nộp theo Biên lai số: AA/2019/0002404 ngày 21/10/2020, chị A được hoàn trả 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Khoái Châu.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật Ay sau khi đ- ọc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận :

- Các đ- ơng sự;
- TAND tỉnh H- ng Yên;
- VKSND huyện KC;
- THA huyện KC;
- UBND xã Đông Kết;
- L- u HSVA.

ĐÀO DUY TRĨNH